

# MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022-2023

Môn: HÓA HỌC - LỚP 12

Trắc nghiệm : 32 câu ( 100%)

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
<p><b>Este.</b></p> <p><b>1. Lipit</b></p>	<p>Gọi được tên một số este, chất béo</p> <p>Nhận diện được một số este, chất béo thông qua công thức hoặc tên gọi.</p> <p>-Nêu được tính chất vật lí, hóa học của este, chất béo.</p> <p>-Nêu được phản ứng của este:</p> <p>+ Phản ứng thủy phân</p> <p>+ Este không no có phản ứng cộng</p> <p>+ Este có phản ứng tráng gương.</p> <p>Biết về phản ứng este hóa, phản ứng xà phòng hóa</p>	<p>– Phân biệt được dầu ăn và mỡ bôi trơn về thành phần hoá học.</p> <p>–Minh họa/chứng minh được tính chất hoá học của este no, đơn chức, chất béo bằng các phương trình hóa học.</p> <p>Xác định sản phẩm phản ứng.</p> <p>- Viết được phản ứng điều chế este từ axit cacboxylic và ancol</p>	<p>- Vận dụng kiến thức đã học vào các trường hợp giả định: ví dụ suy luận tính chất từ cấu tạo và ngược lại, đề xuất biện pháp xử lí các hiện tượng, vấn đề giả định, nhận biết, tinh chế, tách chất,</p> <p>- Xác định số lượng đồng phân</p> <p>- Tính toán: theo công thức, phương trình hóa học, theo các định luật</p> <p>- Xác định được CTCT, số CTCT của este, đơn chức.</p>	<p>- Xác định được CTCT, số CTCT của este, este đa chức, tạp chức.</p> <p>- Giải được các bài tập phản ứng thủy phân của este đơn chức và chất béo</p> <p>- Giải được các bài tập liên quan đến phản ứng thủy phân este (xác định sản phẩm, có cấu tạo đặc biệt, đa chức, tạp chức,...)</p> <p>- Giải được các bài tập liên quan đến phản ứng đốt cháy este (chất béo), hỗn hợp este và các nhóm chức khác.</p>	
<b>Số câu</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>11</b>
<b>Cacbohidrat</b>	<p>Nêu được khái niệm của cacbohidrat, monosaccarit, disaccarit, polisaccarit.</p> <p>Xác định được CTPT, phân loại cacbohidrat</p> <p>-Nêu được tính chất vật lí, hóa học của các chất</p>	<p>Phân biệt được monosaccarit, disaccarit, polisaccarit. về thành phần cấu tạo.</p> <p>–Minh họa/chứng minh được tính chất hoá học của monosaccarit, disaccarit, polisaccarit.</p>	<p>- Vận dụng kiến thức đã học vào các trường hợp giả định: ví dụ suy luận tính chất từ cấu tạo và ngược lại, nhận biết chất,</p> <p>- Xác định sản phẩm phản ứng.</p>	<p>- Giải được các bài tập liên quan đến phản ứng thủy phân, phản ứng tráng bạc, phản ứng lên men</p> <p>- Giải được các bài tập liên quan đến phản ứng đốt cháy.</p>	

	cacbohidrat quan trọng –Nêu được ứng dụng của một số cacbohidrat quan trọng	bằng các phương trình hóa học.			
<b>Số câu</b>	<b>4</b>	<b>3</b>		<b>1</b>	<b>8</b>
<b>Amin Aminoaxit</b>	Biết được bậc của amin Gọi được tên một số amin, aminoaxit. Nhận diện được một amin, aminoaxit, thông qua công thức hoặc tên gọi hoặc phân tử khối. -Nêu được tính chất vật lí, hóa học của amin, aminoaxit –Hiện tượng xảy ra khi nhỏ dung dịch brom vào anilin	– Phân loại được amin, amino axit. - Môi trường của dung dịch các amino axit –Minh họa/chứng minh được tính chất hoá học của amin, aminoaxit, bằng các phương trình hóa học. Xác định được sản phẩm của phản ứng.	- Xác định sản phẩm phản ứng. - Viết được phản ứng của: muối của amin tác dụng với kiềm, muối của amino axit tác dụng với kiềm hoặc axit - So sánh lực bazơ của các amin - Tính toán: theo công thức, phương trình hóa học, theo các định luật: Giải được các bài tập tính khối lượng muối, số mol kiềm hoặc axit phản ứng	- Giải được các bài tập liên quan đến phản ứng: amin tác dụng axit, amino axit tác dụng với axit hoặc kiềm. - Giải được các bài tập liên quan đến phản ứng đốt cháy amin, hỗn hợp amin. - Xác định cấu tạo của hợp chất $C_xH_yOzN_t$ thông qua phản ứng với dung dịch kiềm - Câu hỏi tổng hợp	
	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>11</b>
<b>Tổng hợp</b>			- Câu hỏi tổng hợp về trạng thái, ứng dụng, tính chất hóa học của: chất béo, cacbohidrat, amin, amino axit.	- Bài về thí nghiệm (SGK hóa học 12)	
<b>Số câu</b>			<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
<b>Tổng số câu</b>	<b>13</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>32</b>

Học sinh không được sử dụng bảng Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hoá học.